

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Ph**

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20 – 5 - 2024

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Sáu
2. Ông Huỳnh Kim Thái Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Ph – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 63/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị K Th, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp 3, xã N, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt);

Bị đơn: Ông Lê Qu Ph, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp 3, xã N, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 14/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đặng Thị K Th trình bày:

Bà và ông Lê Qu Ph quen biết nhau trên cơ sở tự tìm hiểu, phát sinh tình cảm và tiến tới xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới vào năm 2002. Tuy nhiên, do bận đi làm nên sau này mới thực hiện đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09 tháng 12 năm 2005.

Sau khi cưới, ông bà chung sống hạnh Ph được một thời gian và có 01 con chung tên Lê Thị M C, sinh ngày 17/10/2003. Năm 2023, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông Ph không chăm lo làm ăn, ông còn thường xuyên uống rượu rồi

về cãi vã với bà nên dẫn đến mâu thuẫn ngày thêm trầm trọng. Bà đã nhiều lần tha thứ cho ông, ông cũng hứa thay đổi để cùng bà vun vén hạnh phúc gia đình nhưng không có tiến triển, chính thái độ này của ông đã ngày càng bào mòn tình cảm mà bà dành cho ông. Sau một thời gian nỗ lực chịu đựng thì bà tự nhận thấy, dù rất mong muốn duy trì mối quan hệ vợ chồng để con chung có một gia đình đầy đủ nhưng ông không trân trọng cơ hội hàn gắn dẫn đến cuối năm 2023 thì ông bà chính thức ly thân. Thời gian này, vợ chồng dù có gặp mặt nhưng không còn quan tâm nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng cho mình, con chung đã trưởng thành nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Qu Ph.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thị M C, sinh ngày 17/10/2003, đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không tranh chấp về tài sản chung và vợ chồng cũng không có nợ chung.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Quang Ph trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Th về thời gian và quá trình quen biết, kết hôn, con chung. Tuy nhiên, về mâu thuẫn gia đình thì ông cho rằng chưa đến mức trầm trọng vì ông bà chỉ cãi vã về vấn đề kinh tế do lỗi của ông là chưa chăm sóc tốt cho gia đình. Bản thân ông đã rất hối hận và nhiều lần xin bà cơ hội để sửa chữa nhưng bà không đồng ý nên ông cũng đồng ý ly hôn. Đồng thời, do bận công việc nên ông đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt ông.

Về tài sản chung và nợ chung, ông không tranh chấp tài sản chung và xác định vợ chồng cũng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng kết quả không thành, bà Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu không tiếp tục hòa giải. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, bà Th và ông Ph vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu giải quyết vụ án theo quy định nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Th và ông Ph.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về pháp luật tố tụng

[1.1] Bà Đặng Thị K Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Qu Ph, căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tố tụng “Tranh chấp ly hôn”, thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[1.2] Bà Đặng Thị K Th có yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Qu Ph, xác định tư cách tham gia tố tụng của bà Th là nguyên đơn, ông Ph là bị đơn theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa: Tại phiên tòa, bà Th và ông Ph vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật nội dung

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông Ph được Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 09 tháng 12 năm 2005 nên được xác định là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn. Bà Th trình bày, sau thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông Ph không chăm lo cho vợ con, thường xuyên uống rượu và gây chuyện với bà làm cho cuộc sống hôn nhân ngày càng có nhiều rạn nứt. Ông bà đã sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay, dù bà đã cho ông cơ hội sửa chữa nhưng mâu thuẫn vẫn không thể khắc phục được nên bà kiên quyết xin ly hôn. Riêng ông Ph trình bày, ông thừa nhận trước đây vợ chồng có cãi vã vì đôi khi ông có rượu trong người nên không kiềm chế tốt bản thân, ông cũng có chăm lo gia đình nhưng chưa thật sự tốt. Từ khi ly thân, ông đã cố gắng thay đổi theo mong muốn của vợ nhưng ông cần thêm thời gian. Hiện nay, bà Th không còn thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng nên ông cũng đồng ý ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành nên vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung. Sau khi phiên tòa hoãn lần thứ nhất, ông Ph cung cấp Bảng tự khai và Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt có nội dung thể hiện ý kiến của ông là cũng đồng ý ly hôn và đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng bà Th và ông Ph đã thật sự trầm trọng, vợ chồng không có sự yêu thương, tôn trọng nhau, đã vi phạm quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th đối với ông Ph là phù hợp.

[2.2] Về nuôi con chung: Ông bà xác định vợ chồng chỉ có 01 con chung tên Lê Thị M C, sinh ngày 17/10/2003 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản chung và nợ chung: Ông bà thống nhất trình bày không tranh chấp về tài sản chung và xác định vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Bà Th phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị K Th về việc “Ly hôn” đối với ông Lê Qu Ph.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đặng Thị K Th và ông Lê Qu Ph.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Đặng Thị K Th phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; được khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà bà Th đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007077 ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An; hoàn lại cho bà Th 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí còn thừa.

3. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- CC.THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- UBND xã N, huyện B, tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Thái Thị Thanh Thúy

